

PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH HÀ NAM

Nguyễn Thị Thanh Hiếu*

Ngày nhận: 22/8/2015
Ngày nhận bản sửa: 21/9/2015
Ngày duyệt đăng: 25/9/2015

Tóm tắt:

Dịch vụ nông nghiệp có vai trò quan trọng bảo đảm các yếu tố đầu vào và đầu ra để phát triển nông nghiệp Việt Nam nói chung và nông nghiệp tỉnh Hà Nam nói riêng. Bài viết này sẽ làm rõ đặc điểm dịch vụ phục vụ nông nghiệp và dựa trên kết quả điều tra thống kê để nghiên cứu thực trạng phát triển dịch vụ nông nghiệp của tỉnh Hà Nam, chỉ ra một số vấn đề và khuyến nghị nhằm thúc đẩy dịch vụ nông nghiệp của tỉnh Hà Nam phát triển như: xây dựng chiến lược và qui hoạch phát triển các dịch vụ cơ bản phục vụ nông nghiệp; hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển dịch vụ nông nghiệp; tập trung phát triển các dịch vụ có tác động trực tiếp nâng cao năng lực cạnh tranh nông sản hàng hóa của Tỉnh; tổ chức mô hình phát triển dịch vụ; đào tạo cán bộ phục vụ phát triển dịch vụ nông nghiệp; cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp.

Từ khóa: Dịch vụ nông nghiệp, phát triển dịch vụ nông nghiệp tỉnh Hà Nam

Developing agricultural services in Ha Nam province

Abstract

Agricultural services play an important role in ensuring the inputs and outputs to develop Vietnam's agriculture in general and Ha Nam's in particular. This article clarifies the characteristics of agricultural services. Besides, the results from a survey on the current situation of agricultural services in Ha Nam province indicate some problems, and based on that the author provides suggestions for developing agricultural services in the province. The suggestions include strategies and plans for developing basic agricultural services, the way to complete mechanisms and policies of agricultural services, the focus on some kinds of services which have direct impact on improving the competitiveness of Ha Nam's agricultural products, the establishment of developing agricultural service models, staff training, and administrative reform to improve the effectiveness of state management at all levels.

Keywords: Agricultural services, develop agricultural services in Hanam province.

1. Đặt vấn đề

Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đã và đang đặt nền kinh tế nước ta nói chung và nông nghiệp nói riêng, nhiều cơ hội và thách thức to lớn. Hà Nam là tỉnh nông nghiệp nhưng diện tích đất dành cho nông nghiệp và lao động ở nông thôn có xu hướng ngày càng giảm. Năm 2014: đất nông nghiệp chiếm 63,2% đất đai của Tỉnh, trong đó đất trồng cây hàng năm chiếm 44,8% và đất trồng lúa

chiếm 40,2%. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên sống ở nông thôn năm 2010 chiếm 89,7% dân số toàn Tỉnh, năm 2014 giảm còn 85,0%. Trong khi đó, yêu cầu đối với sản xuất nông nghiệp là phải tăng năng suất lao động cao hơn để vừa bảo đảm an ninh lương thực trong nước đồng thời xuất khẩu ngày càng nhiều nông sản ra thị trường với chất lượng tốt hơn, cạnh tranh được với sản phẩm của các nước trong khu vực và trên thế giới. Không còn cách nào

khác, nông nghiệp tỉnh Hà Nam phải định vị nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế nói chung để có chiến lược phát triển dài hạn, tận dụng lợi thế của địa phương và nhất là phát triển các dịch vụ phục vụ nông nghiệp như: lựa chọn cây trồng vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học, tăng cường cơ giới hóa.

Bài viết nêu rõ đặc điểm dịch vụ nông nghiệp; dựa vào số liệu thống kê của Cục Thống kê Hà Nam cùng với điều tra của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về tỉnh Hà Nam và Đồng bằng sông Hồng để nghiên cứu thực trạng dịch vụ phục vụ nông nghiệp của tỉnh Hà Nam; đề xuất các giải pháp thúc đẩy dịch vụ nông nghiệp của Tỉnh phát triển. Do thời gian và nguồn lực có hạn, bài báo chỉ nghiên cứu các loại dịch vụ cơ bản phục vụ cho ngành trồng trọt của Hà Nam từ năm 2010- 2014.

2. Khung lý thuyết nghiên cứu dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn Hà Nam

2.1. Đặc điểm dịch vụ nông nghiệp

Hoàng Minh Đường & Nguyễn Thừa Lộc (2005) đã đưa ra khái niệm, đặc điểm dịch vụ thương mại; phân tích vai trò, nội dung, phương hướng và biện pháp phát triển dịch vụ thương mại. Dựa trên cơ sở nghiên cứu về phát triển dịch vụ trong kinh doanh thương mại đó, tác giả cho rằng dịch vụ nông nghiệp bao gồm toàn bộ hoạt động phục vụ chuẩn bị các yếu tố đầu vào, sản xuất, thu gom, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường nhằm tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp diễn ra nhanh chóng và hiệu quả.

Ngoài các đặc điểm chung của dịch vụ như: quá trình sản xuất và tiêu dùng dịch vụ diễn ra đồng thời, sản phẩm dịch vụ có tính vô hình, không thể dự trữ được, dịch vụ nói chung thường có tính thời điểm, phụ thuộc rất nhiều vào không gian, thời gian và cá nhân người thực hiện; dịch vụ nông nghiệp còn có các đặc điểm riêng sau:

Thứ nhất, các dịch vụ nông nghiệp diễn ra từ khâu đầu đến khâu cuối của quá trình sản xuất trong nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể sản xuất nông nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng trên thị trường. Đây cũng là yêu cầu đối với sản xuất nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển cao và hội nhập kinh tế quốc tế.

Đặc điểm này đòi hỏi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ nông nghiệp, một mặt, liên kết chuỗi các hoạt động tác nghiệp nhằm đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng, mặt khác quan trọng hơn là liên kết

các doanh nghiệp, các tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau như đơn vị sản xuất, chế biến, tài chính ngân hàng, hải quan, cơ quan bảo hiểm, các doanh nghiệp kinh doanh logistics... nhằm đem lại sự thỏa mãn nhu cầu ở mức cao nhất.

Thứ hai, sản phẩm nông nghiệp là sản phẩm thiết yếu đối với con người và dịch vụ nông nghiệp cũng không thể thiếu được đối với sản xuất nông nghiệp. Bởi vậy, để phát triển sản xuất nông nghiệp thì cần phải tổ chức tốt các dịch vụ phục vụ nông nghiệp như cung ứng yếu tố đầu vào cây giống, thuốc trừ sâu, nước tưới, dịch vụ thu hoạch sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm... Đây là các dịch vụ không thể thiếu để giúp cho sản xuất nông nghiệp tiến hành nhịp nhàng, hiệu quả.

Thứ ba, các hoạt động dịch vụ nông nghiệp chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thời tiết và theo mùa vụ. Đặc điểm này yêu cầu các doanh nghiệp dịch vụ phải tiên lượng được sự thay đổi để có kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Thứ tư, sau thu hoạch, thậm chí sau khi tiêu thụ sản phẩm mới có thể đánh giá khách quan, chính xác hiệu quả cuối cùng của dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Đặc điểm này yêu cầu các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ phải dự đoán chính xác nhu cầu thị trường để hướng dẫn các hộ gia đình, các hợp tác xã sản xuất theo nhu cầu thị trường.

2.2. Khung phân tích phát triển dịch vụ nông nghiệp Hà Nam (Hình 1)

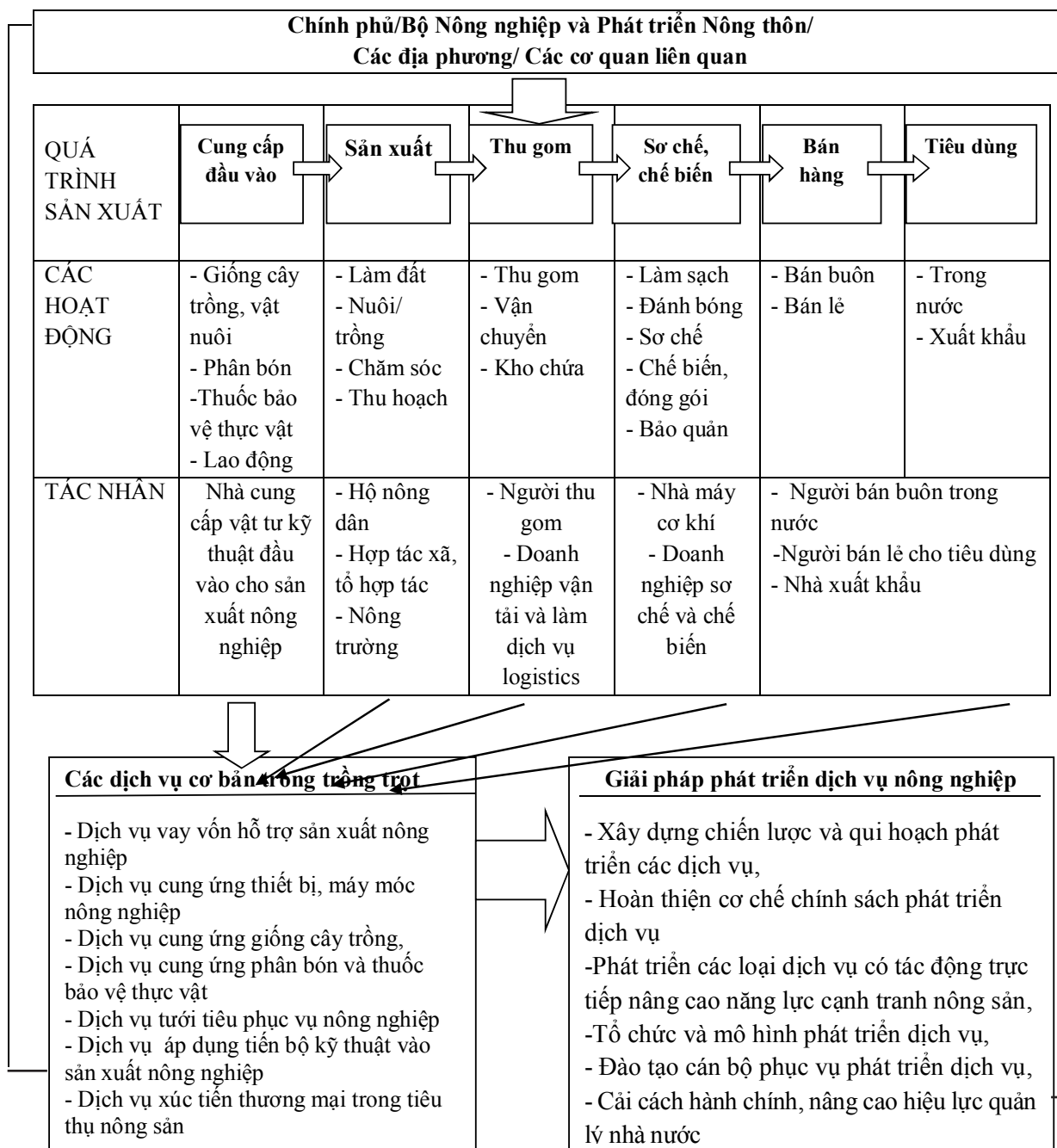
3. Thực trạng phát triển dịch vụ nông nghiệp tỉnh Hà Nam

3.1. Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp tỉnh Hà Nam

Bài viết đã sử dụng Niên giám thống kê 2014 tỉnh Hà Nam của Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, năm 2015 và các số liệu thứ cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2014, điều tra khu vực đồng bằng sông Hồng với 487 phiếu thu được hợp lệ; tỉnh Hà Nam với 184 phiếu hợp lệ và tỉnh Thái Bình có điều kiện tương tự với 303 phiếu hợp lệ để làm đối sánh. Có thể khái quát tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hà Nam như sau:

Cơ cấu kinh tế của Tỉnh năm 2014 theo giá hiện hành: công nghiệp và xây dựng chiếm 54,7%; dịch vụ 30,8% và nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 14,5%. Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của Tỉnh năm 2014: trồng trọt chiếm gần một nửa (48,4%) giá trị sản xuất nông nghiệp; cây lương

Hình 1: Khung phân tích phát triển dịch vụ nông nghiệp Tỉnh



Nguồn: Tác giả vận dụng lý thuyết về chuỗi cung ứng

thực chiếm 68,6% giá trị sản xuất ngành trồng trọt và chiếm 76% diện tích (Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, 2015). Bởi vậy, đề tài tập trung nghiên cứu các dịch vụ cho ngành trồng trọt của Tỉnh.

3.2. Tình hình phát triển dịch vụ cơ bản phục vụ nông nghiệp của tỉnh Hà Nam

Thứ nhất, được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân Tỉnh và các ban ngành chức năng, các hoạt động dịch vụ đã được tổ chức, triển khai khá đầy đủ; về cơ bản đáp ứng yêu cầu cung ứng các yếu tố đầu vào

cho các hộ nông dân, tạo điều kiện phát triển nông nghiệp Tỉnh trong những năm qua.

Tỷ lệ số hộ được cung ứng dịch vụ cơ giới hóa lên tới 95,65% (176/184) số hộ sản xuất và trong các khâu làm đất ở Tỉnh đạt tới 97,68% diện tích, trong gieo trồng 18,04% và 22,60% diện tích sử dụng dịch vụ cơ giới hóa trong khâu thu hoạch (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014).

Thứ hai, có một số dịch vụ phát triển tốt, về cơ bản đáp ứng yêu cầu của các hộ nông dân: dịch vụ

Bảng 1: Tỷ lệ số hộ và diện tích gieo trồng lúa mùa bình quân của hộ có sử dụng dịch vụ cơ giới hóa (Đơn vị tính:%)

Tỉnh	Số phiếu	Tỷ lệ hộ sử dụng cơ giới hóa lúa mùa	Tỷ lệ hộ làm đất sử dụng cơ giới hóa	Tỷ lệ hộ gieo trồng sử dụng cơ giới hóa	Tỷ lệ hộ chăm sóc sử dụng cơ giới hóa	Tỷ lệ hộ thu hoạch sử dụng cơ giới hóa	Tỷ lệ diện tích làm đất sử dụng cơ giới hóa	Tỷ lệ diện tích gieo trồng sử dụng cơ giới hóa	Tỷ lệ diện tích chăm sóc sử dụng cơ giới hóa	Tỷ lệ diện tích thu hoạch sử dụng cơ giới hóa
Đồng bằng sông Hồng	487	96,71	96,51	8,33	27,52	41,68	97,13	6,42	24,24	45,53
Thái Bình	303	295	294	-	143	158	96,82	-	37,65	58,22
Hà Nam	184	176	176	43	150	45	97,68	18,04	-	22,60

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014.

làm đất, chăm sóc, thu hoạch lúa và hoa màu kịp thời vụ. Nhiều hộ đã sử dụng các dịch vụ đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất trồng lúa, chiếm 73,91% số hộ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014).

Thứ ba, đã khai thác mọi nguồn lực của địa phương trong lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp với các hình thức tổ chức cung ứng dịch vụ khác nhau như: doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và tư nhân cung ứng dịch vụ tại chỗ, có tới 58,7% các đơn vị cung ứng dịch vụ ở ngay trong thôn; 41,3% ở ngay trong cùng xã nên rất thuận tiện, phục vụ kịp thời (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014).

Thứ tư, có sự thay đổi trong nhận thức về quan điểm, phương thức tổ chức bộ máy, cách thức ứng xử và chấp nhận phương thức thanh toán linh hoạt

của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh: trả trực tiếp mỗi lần sử dụng chiếm tỷ lệ 76,7%; trả sau bằng tiền mặt, chuyển khoản 4,3%; trả sau bằng sản phẩm 0,5% (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014).

Các dịch vụ nông nghiệp đã góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp, gia tăng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh từ 5.951.474 triệu đồng năm 2010 lên 7.808.917 triệu đồng năm 2014 (Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, 2015).

Thứ năm, các hộ nông dân đánh giá sự thuận lợi của dịch vụ khá tốt, tới 64,2% cho rằng thuận lợi; chỉ có 0,5% số hộ cho rằng có khó khăn khi sử dụng dịch vụ (Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 2014).

Bảng 2: Số hộ và tỷ lệ số hộ sử dụng dịch vụ đưa tiến bộ kỹ thuật vào trồng lúa (Đơn vị tính: %)

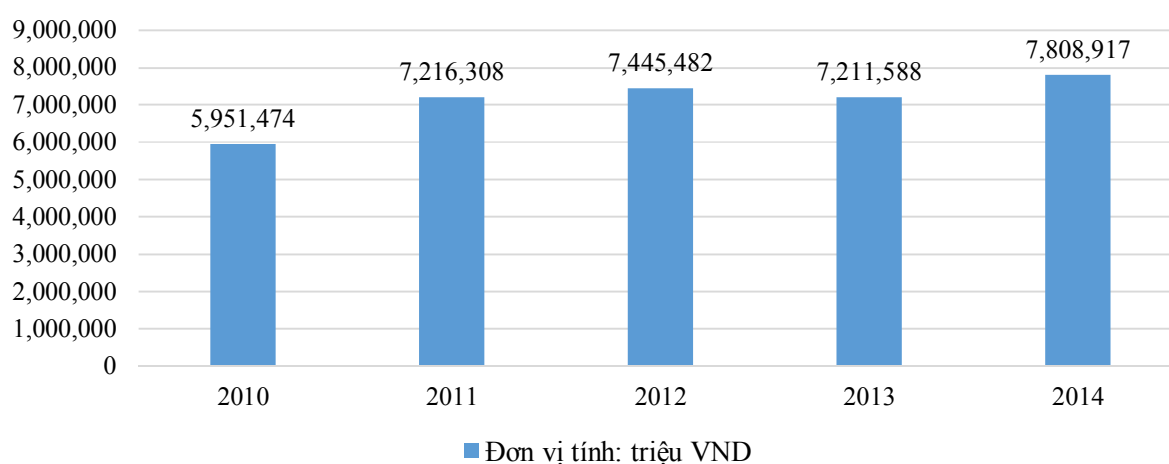
Tỉnh	Số phiếu	Số hộ			Tỷ lệ			Tỷ lệ diện tích lúa có tưới kỹ thuật cao	Tỷ lệ diện tích lúa có phòng trừ sâu bệnh	Tỷ lệ diện tích lúa theo VietGap
		Số hộ trồng lúa có tưới kỹ thuật cao	Số hộ trồng lúa có phòng trừ sâu bệnh	Số hộ trồng lúa theo VietGap	Số hộ trồng lúa có tưới kỹ thuật cao	Số hộ trồng lúa có phòng trừ sâu bệnh	Số hộ trồng lúa theo VietGap			
Đồng bằng sông Hồng	487	-	193	-	-	-	-	-	-	-
Thái Bình	303	0	57	0	0	18,81	-	-	25	-
Hà Nam	184	0	136	0	0	73,91	-	-	75	-

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014.

Bảng 3: Số hộ và tỷ lệ số hộ sử dụng dịch vụ làm đất theo địa điểm cung cấp

Tỉnh	Số phiếu	Số lượng hộ (hộ)				Tỷ lệ (%)			
		Không có thông tin	Trong thôn	Trong xã	Trong huyện	Không có thông tin	Trong thôn	Trong xã	Trong huyện
Đồng bằng sông Hồng	487	-	403	84	-	-	82,8	17,2	-
Thái Bình	303		295	8		-	97,4	2,6	-
Hà Nam	184		108	76	-	-	58,7	41,3	-

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014.

Hình 2: Giá trị sản xuất nông nghiệp của Tỉnh năm 2010-2014 (theo giá hiện hành)

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, 2015.

Bảng 4: Số hộ và tỷ lệ số hộ sử dụng dịch vụ thu hoạch theo thủ tục dịch vụ

Tỉnh	Số phiếu	Số lượng hộ (hộ)				Tỷ lệ (%)			
		Không có thông tin	Thuận lợi	Bình thường	Khó khăn	Không có thông tin	Thuận lợi	Bình thường	Khó khăn
ĐBS Đồng bằng sông Hồng	487	176	281	29	1	36,1	57,7	6,0	0,2
Thái Bình	303	139	163	1		45,9	53,8	0,3	-
Hà Nam	184	37	118	28	1	20,1	64,2	15,2	0,5

Nguồn: Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 2014.

Thứ sáu, trong các năm gần đây, nhờ phát triển dịch vụ phục vụ nông nghiệp, năng suất các cây lương thực chủ yếu của Tỉnh như lúa và ngô có xu hướng tăng, ví dụ: năng suất lúa bình quân cả năm chỉ tăng nhẹ (59,4 tạ/ha lên 59,6 tạ/ha) nhưng lúa vụ đông xuân đã tăng từ 63,7 tạ/ha, năm 2010 lên 65,9 tạ/ha, năm 2014 (Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, 2015).

Nhờ tăng năng suất cây trồng đã góp phần tăng giá trị sản phẩm thu được (tính theo giá hiện hành) trên 1 héc ta đất trồng trọt của Tỉnh từ 72,6 triệu đồng/ha, lên 88,3 triệu đồng/ha (Cục Thống kê tỉnh

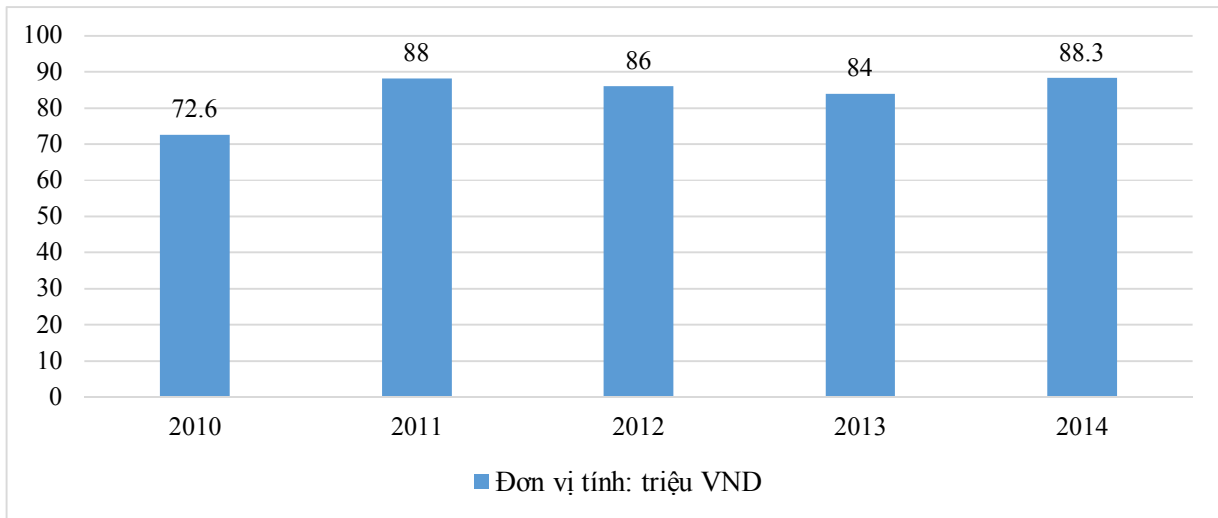
Hà Nam, 2015).

Thứ bảy, kết quả phát triển của dịch vụ nông nghiệp thời gian qua góp phần quan trọng trong phát triển nông nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn Tỉnh. Năm 2014, thu nhập bình quân của người dân sống ở nông thôn tăng 1,97 lần, so với năm 2010 (Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, 2015).

3.3. Các hạn chế cần khắc phục

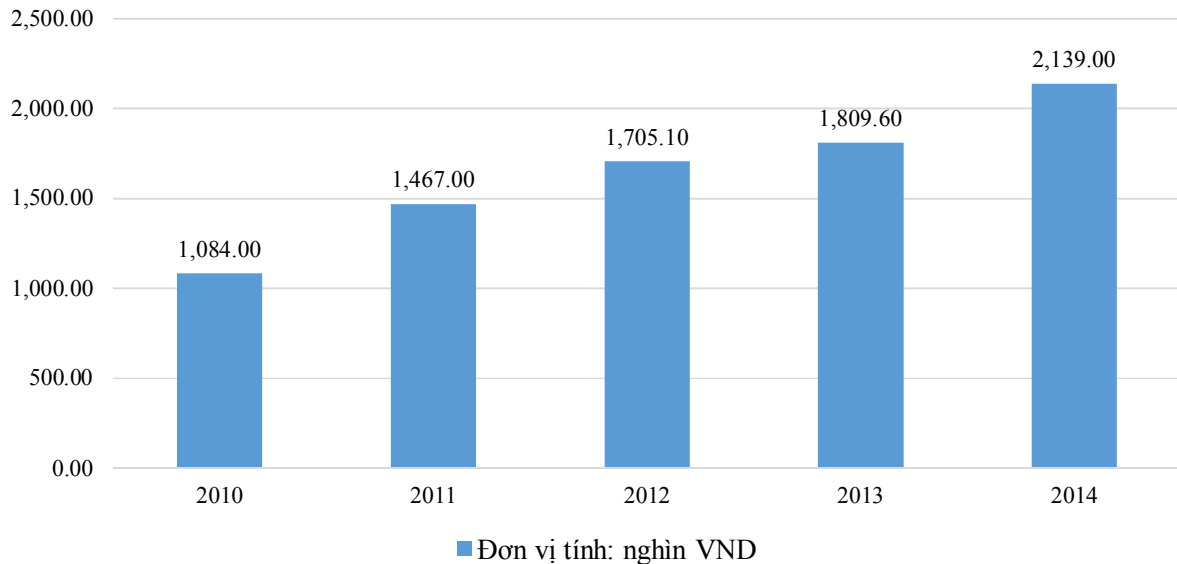
Thứ nhất, lĩnh vực dịch vụ mới chỉ đáp ứng được

Hình 3: Giá trị sản phẩm thu được trên 1 héc ta đất trồng trọt năm 2010-2014



Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, 2015.

Hình 4: Thu nhập bình quân đầu người một tháng ở nông thôn năm 2010-2014



Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, 2015.

các khâu cơ bản như làm đất, cung ứng giống cây trồng, thủy lợi, chăm sóc và thu hoạch lúa và hoa màu mà chưa đáp ứng các khâu chế biến, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm cho các hộ.

Thứ hai, một số dịch vụ có tính chất kỹ thuật cao như công nghệ sinh học, liên doanh liên kết sản xuất... mới chỉ dừng ở mức phát triển theo phong trào, chưa thật sự bền vững, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp ở trình độ cao.

Thứ ba, các dịch vụ chưa đáp ứng các yêu cầu đột xuất như phòng trừ sâu bệnh, tiêu thụ nông sản khi được mùa, vẫn chưa khắc phục được căn bệnh “được mùa mất giá” đã tồn tại lâu nay.

Thứ tư, chất lượng các dịch vụ cung ứng chưa

cao, giá cả còn cao so với mức thu nhập của người thuần nông, phương thức cung ứng dịch vụ chưa chuyên nghiệp.

Thứ năm, các doanh nghiệp, hợp tác xã dịch vụ thủy lợi, chế biến nông sản, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, hệ thống máy móc chưa được bảo dưỡng kịp thời, hệ thống kênh mương chưa được hoàn thiện, tổ chức quản lý không theo kịp yêu cầu.

3.4. Nguyên nhân

Về khách quan: Hà Nam là một tỉnh kinh tế chậm phát triển so với bình quân chung của vùng đồng bằng sông Hồng, cơ sở vật chất kỹ thuật thấp kém, trình độ khoa học kỹ thuật lạc hậu... khó có thể tạo

Bảng 5: Đánh giá độ hài lòng về giá cả dịch vụ thu hoạch của hộ nông dân

Tỉnh	Số phiếu	Số lượng hộ (hộ)				Tỷ lệ (%)			
		Không có thông tin	Chấp nhận được	Cao	Quá cao	Không có thông tin	Chấp nhận được	Cao	Quá cao
Đồng bằng sông Hồng	487	180	153	154	-	37,0	31,4	31,6	-
Thái Bình	303	139	69	95		45,9	22,8	31,4	-
Hà Nam	184	41	84	59		22,3	45,7	32,0	-

Nguồn: Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 2014.

điều kiện thuận lợi để phát triển dịch vụ nông nghiệp ở Tỉnh.

Cơ chế chính sách của Nhà nước có thời điểm chưa thật phù hợp với điều kiện cụ thể và chưa trở thành nguồn lực thực tế để phát triển kinh tế nói chung và phát triển dịch vụ nói riêng.

Về chủ quan: nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của dịch vụ nông nghiệp chưa theo kịp yêu cầu, chưa có chiến lược phát triển dài hạn về dịch vụ nông nghiệp, trình độ văn hóa dân cư và cán bộ chưa đáp ứng đòi hỏi phát triển dịch vụ phục vụ nông nghiệp trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Đề xuất các giải pháp phát triển dịch vụ cơ bản phục vụ nông nghiệp tỉnh Hà Nam

4.1. Quan điểm phát triển dịch vụ nông nghiệp tỉnh Hà Nam

Dịch vụ nông nghiệp phải trở thành ngành kinh tế dịch vụ quan trọng để thúc đẩy nông nghiệp của Tỉnh phát triển: Quy luật chung của sự phát triển là đời sống và sản xuất càng phát triển thì con người càng cần nhiều đến các loại hình dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu. Quan điểm này cần được nhận thức sâu sắc ở tất cả các cấp độ: từ Ủy ban nhân dân Tỉnh, các sở ban, ngành, các Ủy ban nhân dân cấp huyện và các phòng ban và cấp chính quyền cấp xã, tới các tổ, đội sản xuất và dịch vụ nông nghiệp để tạo nền tảng vững chắc trong chỉ đạo, điều hành công việc.

Huy động sức mạnh của nhiều thành phần kinh tế trên địa bàn Tỉnh tham gia phát triển dịch vụ phục vụ nông nghiệp: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, là quan điểm chung trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển dịch vụ nông nghiệp phải là hướng đi chủ yếu: Trong thời đại công nghệ kỹ thuật phát triển nhanh, nếu không hướng dịch vụ áp dụng thành tựu của khoa

học công nghệ và thông tin sẽ bị lạc hậu. Phải ứng dụng thành tựu khoa học về giống, về kỹ thuật công nghệ chế biến để tăng cao giá trị trong xuất khẩu.

Bảo đảm thiết thực và hiệu quả trong phát triển dịch vụ nông nghiệp: Phát triển các dịch vụ nông nghiệp dưới bất kỳ hình thức nào cũng phải bảo đảm đem lại hiệu quả kinh tế: hiệu quả đối với những đối tượng được thụ hưởng các loại dịch vụ cả về số lượng, chất lượng, công việc theo các yêu cầu kỹ thuật sản xuất để người nông dân có năng suất cao, giá thành hạ; hiệu quả đối với những người, các tổ chức, các cá nhân cung ứng thực hiện các loại dịch vụ nông nghiệp, giúp họ thu hồi vốn đã đầu tư và đảm bảo lợi nhuận, có thu nhập ngang bằng với các ngành kinh doanh khác.

4.2. Giải pháp phát triển dịch vụ cơ bản phục vụ nông nghiệp tỉnh Hà Nam

Một là, xây dựng chiến lược và qui hoạch phát triển các dịch vụ cơ bản phục vụ nông nghiệp

Muốn phát triển nông nghiệp cần tầm nhìn dài hạn để vượt qua thách thức và khó khăn trước mắt. Bởi vậy, cần phải xây dựng chiến lược phát triển cho nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp của Tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030. Đó là xác định những định hướng phát triển lâu dài cho nông nghiệp trên cơ sở định vị nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của Hà Nam. Phát triển dịch vụ nông nghiệp của Tỉnh là hướng vào phục vụ những định hướng lớn trong phát triển nông nghiệp đó là:

Phục vụ chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp chuyển mạnh sang trồng lúa 3 vụ, cơ cấu lại các loại vật nuôi, cây trồng để tận dụng lợi thế của Tỉnh, phát triển các loại dịch vụ cung ứng giống vật nuôi cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Phát triển dịch vụ phục vụ định hướng phát triển

nông nghiệp theo hướng bền vững, công nghiệp hóa, hiện đại hóa: các dịch vụ vận chuyển, giao nhận vật tư hàng hóa nhanh nhẹn, linh hoạt theo nhu cầu của chủ hàng. Hoàn thiện và phát triển mô hình liên kết giữa nhà nông, doanh nghiệp và ngân hàng trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Dịch vụ đưa công nghệ cao vào sản xuất, trước tiên là mô hình chăn nuôi bò sữa, rau, củ, quả sạch phục vụ cho xuất khẩu. Chú trọng các dịch vụ liên kết vùng theo chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với sự tham gia của các doanh nghiệp có khả năng về kinh tế và xuất khẩu.

Hai là, hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển dịch vụ nông nghiệp

Cơ chế chính sách phát triển kinh tế nói chung và dịch vụ nói riêng là do Nhà nước ban hành, đến lượt mình các địa phương sẽ cụ thể hóa các qui định cho phù hợp với tình hình của từng địa phương. Đối với nông nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp các chính sách quan trọng để phát triển là:

Chính sách phục vụ công tác dồn điền, đổi thửa tạo ra cánh đồng mẫu lớn, thuận tiện trong canh tác và áp dụng các dịch vụ cơ giới hóa khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và thu hoạch, đồng thời kiểm soát được hiện tượng lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật gây hại tới sức khỏe con người.

Hoàn thiện chính sách để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào phát triển nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp. Đặc biệt là tài chính doanh nghiệp, đầu tư phát triển khoa học - công nghệ. Có cơ chế khả thi phát huy các cơ quan nghiên cứu trên địa bàn Tỉnh; tạo điều kiện thúc đẩy các dịch vụ khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ; bổ sung chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp trở thành chủ thể chính của thị trường khoa học - công nghệ, tích cực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo để đổi mới công nghệ, phát triển phần mềm, nâng cao năng lực quản trị sản xuất - kinh doanh; nâng tỷ trọng các yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

Chính sách ưu tiên trong phân phối sử dụng và tiếp cận với các nguồn vốn trong phát triển dịch vụ phục vụ nông nghiệp.

Cần tập trung đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học - công nghệ; phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện

các nhiệm vụ khoa học - công nghệ trọng điểm; đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai, ứng dụng công nghệ; phát triển hợp lý, đồng bộ trên các lĩnh vực.

Có chính sách xúc tiến đầu tư, tập trung thu hút các trường Đại học có chất lượng, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp.

Ba là, tập trung phát triển các loại dịch vụ có tác động trực tiếp nâng cao năng lực cạnh tranh nông sản hàng hóa của Tỉnh

Phát triển dịch vụ theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, bền vững; theo đó, cần tổ chức sản xuất theo hướng phát triển mô hình liên kết trong sản xuất gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, liên kết tự nguyện giữa nông dân với nông dân, nông dân với hợp tác xã, với doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò quyết định trong việc tìm đầu ra, đặt hàng sản xuất, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm sản xuất ổn định, bền vững. Tổ chức nghiên cứu, phát triển giống và các sản phẩm khoa học, công nghệ mới phục vụ sản xuất; đào tạo, chuyển giao, cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, giám sát, quản lý chất lượng và tư vấn cho người sản xuất đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng tiêu chuẩn và kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp. Phát triển các mô hình dịch vụ liên kết sản xuất rau, hoa chất lượng cao, chú trọng nhiều hơn đến các mô hình đưa công nghệ cao vào sản xuất, trước tiên là mô hình chăn nuôi bò sữa, rau, củ, quả sạch phục vụ cho xuất khẩu.

Bốn là, tổ chức và mô hình phát triển dịch vụ phục vụ nông nghiệp

Cùng với chiến lược, kế hoạch và cơ chế chính sách, để phát triển dịch vụ nông nghiệp cần tìm ra hình thức tổ chức bộ máy và mô hình kinh doanh thích hợp. Một thể chế kinh tế muốn phát triển trước hết phải dựa vào sức mạnh của chính thể chế kinh tế đó chứ không phải sức mạnh từ bên ngoài, nông nghiệp chỉ có thể phát triển bằng chính nội lực của mình. Bởi vậy, tuy có nhiều hình thức tổ chức dịch vụ nông nghiệp khác nhau, nhưng hợp tác xã dịch vụ là mô hình phù hợp nhất với điều kiện của Tỉnh. Với Luật hợp tác xã năm 2012 và các kết quả, tầm gương hợp tác xã dịch vụ kiểu mới ở nhiều địa phương, việc đẩy mạnh hình thành và triển khai các hợp tác xã dịch vụ phục vụ nông nghiệp kiểu mới là yếu tố nền tảng quan trọng nhất, là khâu đột phá để tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của

nông nghiệp Việt Nam nói chung và nông nghiệp tỉnh Hà Nam nói riêng.

Năm là, đào tạo cán bộ phục vụ phát triển dịch vụ nông nghiệp

Con người là chìa khóa của mọi thành công bởi vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định xây dựng đội ngũ cán bộ là khâu then chốt trong sự nghiệp phát triển đất nước. Để xây dựng đội ngũ cán bộ nông nghiệp nói riêng có phẩm chất, năng lực thực sự ngang tầm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay, tỉnh Hà Nam cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp cơ bản sau:

Tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ phù hợp với tình hình mới. Phải lấy đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm trọng tâm. Cán bộ hoạt động trong nông nghiệp bắt buộc phải có trình độ chuyên môn về nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp.

Tạo môi trường học tập cho đội ngũ cán bộ. Không chỉ học tập trong các khóa đào tạo, bồi dưỡng mà ngay trong quá trình công tác, trong môi trường làm việc hằng ngày, cũng cần tạo ra một không khí học tập.

Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng. Đây là một trong những giải pháp quan trọng. Đãi ngộ tốt thì không chỉ hấp dẫn được những cán bộ có trình độ, chuyên môn giỏi mà còn gìn giữ được phẩm chất tốt

đẹp của người cán bộ, ngăn ngừa được tình trạng tham ô, tham nhũng, cửa quyền, gây khó dễ cho người dân trong thực thi công vụ của mỗi cán bộ. Đãi ngộ theo hiệu quả công việc sẽ khuyến khích sự sáng tạo, đề cao trách nhiệm cá nhân.

Sáu là, cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp

Nâng cao chất lượng và trách nhiệm cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, nhất là trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường công khai, minh bạch, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là tại các đơn vị có nhiều thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Với mục tiêu giữ vững môi trường đầu tư, đổi mới mô hình tăng trưởng và công nghiệp hóa trong nông nghiệp, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh đặc biệt quan tâm hoàn thiện và triển khai Đề án đổi mới định hướng đầu tư phát triển, trong đó quan tâm thực hiện đưa công nghiệp hóa vào sản xuất nông nghiệp, phát triển chăn nuôi nông hộ, sản xuất những mặt hàng nông sản sạch cung cấp cho thị trường trong Tỉnh và Thủ đô Hà Nội.

Những giải pháp trên được thực hiện một cách đồng bộ chắc chắn sẽ phát triển các dịch vụ phục vụ nông nghiệp lên một tầm cao mới, góp phần phát triển mạnh kinh tế tỉnh Hà Nam. □

Tài liệu tham khảo

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2014), *Số liệu điều tra thống kê 2013*, Hà Nội.

Cục Thống kê tỉnh Hà Nam (2015), *Niên giám thống kê 2014 tỉnh Hà Nam*, Hà Nam.

Hoàng Minh Đường & Nguyễn Thừa Lộc (2005), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thị Thanh Hiếu, Tiến sỹ**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị, các học thuyết kinh tế, các vấn đề kinh tế - xã hội...

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Tạp chí Thương mại.*

- Địa chỉ email: ntthanhhieuneu@gmail.com